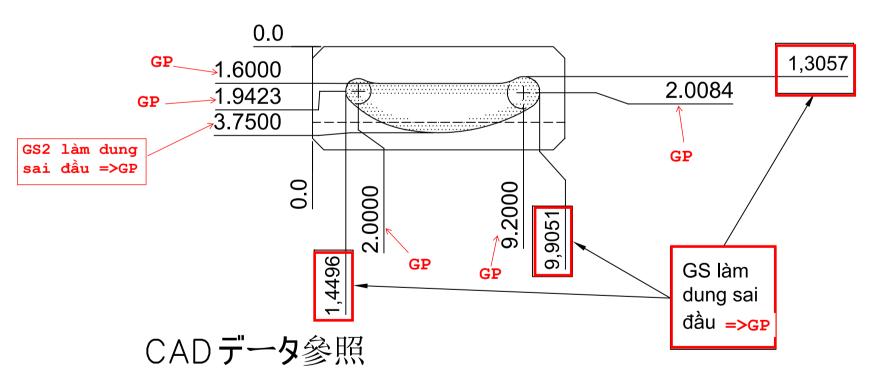
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CI	UTTING T	OLERANC	E
init.	2018/09/14	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
A	2019/11/01	製品図変更(同現物)		Lin_Wei_Cheng	Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.000	± 0.005	0.000 _0	+0.005
							0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01 +0.01
							0.0	± 0.1	0.00 _0	-0 -0 +0
							0.	± 0.2	0.0 +0	-0.1 +0.1
							TO		0.0 ₋₀	-0
							OTHE	ERWISE	ICES NO E SPECI	FIED
								\sim	MARKS	
					EW-GS					
			_		51.00)		(3.	.00)	
		GS 0005 4-C0.5	GP					spa	acer	
	GS	9. 4-C0.5 ★ 4-C0.5	à	1 7 12 —	R40	P				
		0.0(106.7)				<u> </u>		1		
							<u> </u> 		#	
		7 050.4				2			GS	
		0.0(160.4)		^	4.0 5.0		√GS	4-0.02	←_GS	
		0 11.0	0000	<u>/a\</u>	5.0	16	6.98	0-4		
					CG				,	
			EW-GS		GS		GS			

a 4:1



指示無**き**寸法**の**許容差は±0.002(KC-040) ハッチング部は切刃**の**為、面取**り**不可(KC-019)

CHKD.	MATERIAL	4 1	TITLE	PARTS NAME		
Chang Fu Rung	WC(V50)	(\oplus)	图品部	トリミングパンチ		
	\)	PART DRAWING	TRIMMING PUNCH		
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品图	修整冲 头		
Lin_Wei_Cheng		1:1	圖品部	修整沖頭		
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.		
Lin_Wei_Cheng	HRC ~	A4V	2018/09/14	R179419		

NO: R179419						
Ố PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:						
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197						
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P					
I.VẬT LIỆU: NCV50 F6*14*54	EW:40 GS:200 GP:500 KT					